

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

**Báo cáo tài chính hợp nhất
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014
kèm theo Báo cáo Kiểm toán Độc lập
và Báo cáo của Ban Giám đốc**

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Kiểm toán Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán hợp nhất	5
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ hợp nhất	8
Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất	10

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

1. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Những người sau đây là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Anh Dũng	Chủ tịch	10 tháng 7 năm 2013	-
Ông Nguyễn Hữu Lam	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	-
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	-
Ông Thomas Hermansen	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	-
Ông Lâm Thiếu Quân	Thành viên	15 tháng 5 năm 2012	-
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Thành viên	29 tháng 6 năm 2013	-
Ông Nguyễn Ngọc Trung	Thành viên	29 tháng 6 năm 2013	-
Ông Mai Minh Tân	Chủ tịch	15 tháng 5 năm 2012	29 tháng 6 năm 2013
Ông Mai Tuấn Tú	Thành viên	23 tháng 4 năm 2011	29 tháng 6 năm 2013

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Doãn Thị Bích Ngọc	Trưởng ban	29 tháng 6 năm 2013	-
Bà Trần Thị Thu Hiền	Thành viên	29 tháng 6 năm 2013	-
Ông Lê Hoàng Tân	Thành viên	29 tháng 6 năm 2013	-
Bà Nguyễn Hương Giang	Trưởng ban	21 tháng 4 năm 2012	29 tháng 6 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Thu Sương	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	29 tháng 6 năm 2013
Bà Trần Thu Lan	Thành viên	23 tháng 4 năm 2011	29 tháng 6 năm 2013

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Tổng Giám Đốc	19 tháng 9 năm 2012	-

2. Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, tùy thuộc những khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp nhằm giảm thiểu các sai sót và gian lận.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Tập đoàn và do đó thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Tập đoàn đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.


NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 6 năm 2014

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 127-21-13

**Gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong**

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong và các công ty con (“Tập đoàn”) bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu, các thuyết minh kèm theo, như được trình bày từ trang 5 đến trang 39.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo Tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất dựa vào quá trình kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý về báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn không chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất gây ra bởi gian lận hoặc sai sót. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, mà không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về sự hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính phù hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin rằng những bằng chứng kiểm toán chúng tôi thu thập được đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên mọi khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công Nghệ Tiên Phong và các công ty con tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần lưu ý:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 1, 35 và 36 trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn sở hữu 40,16% vốn thông qua đầu tư trực tiếp và gián tiếp vào Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Thạch Anh ("QEC") và nắm giữ 75,02% quyền biểu quyết trong QEC. Tại ngày 21 tháng 10 năm 2013, Tòa án Nhân dân Tỉnh Bình Dương đã quyết định mở thủ tục phá sản đối với QEC và tiến hành các bước chấm dứt hoạt động của QEC theo quy định của Luật phá sản doanh nghiệp. Do đó, các báo cáo tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 của QEC được lập trên cơ sở thanh lý bao gồm những điều chỉnh phát sinh liên quan đến việc thanh lý và phân loại tài sản và phân loại các khoản nợ phải trả nhằm phản ánh thực tế rằng QEC cần phải đánh giá lại tài sản và thanh toán các khoản nợ trong điều kiện khác với hoạt động kinh doanh bình thường. Đồng thời, các chỉ tiêu tài chính của QEC gồm lỗ thuần, tài sản, công nợ và chênh lệch đánh giá lại tài sản tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày như là một hoạt động không liên tục trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn. Tuy nhiên, những thông tin tài chính này có thể thay đổi phụ thuộc vào việc thực tế thanh lý tài sản, hàng hóa của QEC. Do việc thanh lý chưa xảy ra tại ngày lập báo cáo này, Tập đoàn sẽ tiếp tục theo dõi và xem xét điều chỉnh giá trị tài sản và công nợ của QEC khi các thông tin cập nhật rõ ràng hơn từ việc thanh lý tài sản và hàng hóa của QEC.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN NEXIA ACPA

Số Đăng ký Kinh doanh: 0102012231


NGUYỄN QUỐC TUẤN

Giấy Chứng nhận Đăng ký
Hành nghề Kiểm toán số: 0253-2013-068-1
Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 24 tháng 6 năm 2014


NGUYỄN MẠNH TUẤN

Giấy Chứng nhận Đăng ký
Hành nghề Kiểm toán số: 0817-2013-068-1
Kiểm toán viên

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		355.535.135.947	366.687.850.853
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	39.284.505.806	94.175.014.557
Tiền	111		16.336.505.806	22.813.969.014
Các khoản tương đương tiền	112		22.948.000.000	71.361.045.543
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		54.995.765.119	3.598.986.651
Đầu tư tài chính ngắn hạn	121	5; 40	55.795.765.119	3.598.986.651
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129	6	(800.000.000)	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		132.735.619.944	136.980.468.758
Phải thu khách hàng	131	40	131.532.554.237	87.351.890.501
Trả trước cho người bán	132		4.434.996.482	8.728.544.938
Phải thu khác	135	7; 40	6.462.132.472	43.179.995.992
Dự phòng phải thu khó đòi	139	8	(9.694.063.247)	(2.279.982.873)
Hàng tồn kho	140	9	53.965.752.607	110.184.439.457
Hàng tồn kho	141		63.256.461.994	125.924.206.737
Dự phòng hàng tồn kho	149		(9.290.709.387)	(15.739.767.280)
Tài sản ngắn hạn khác	150		17.459.481.172	21.748.941.430
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	2.844.341.471	4.247.038.459
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.416.649.714	3.862.798.150
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		607.329.897	1.325.722.601
Tài sản ngắn hạn khác	158	11	11.591.160.090	12.313.382.220
Tài sản được phân loại chờ thanh lý	160	36	57.094.011.299	-
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		105.625.055.520	262.751.641.822
Tài sản cố định	220		86.975.945.684	211.379.055.525
Tài sản cố định hữu hình	221	12	55.176.575.756	145.665.061.117
- Nguyên giá	222		72.054.493.508	175.958.531.010
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(16.877.917.752)	(30.293.469.893)
Tài sản cố định vô hình	227	13	31.799.369.928	65.595.925.403
- Nguyên giá	228		35.943.615.525	72.252.881.339
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.144.245.597)	(6.656.955.936)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	14	-	118.069.005
Bất động sản đầu tư	240	15	3.385.063.089	9.232.221.064
- Nguyên giá	241		40.035.407.440	39.999.680.784
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(36.650.344.351)	(30.767.459.720)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.725.315.247	9.806.852.327
Đầu tư vào công ty liên kết	252	16	3.934.038.294	3.772.353.719
Đầu tư dài hạn khác	258	17	6.008.160.308	7.715.498.608
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	18	(6.216.883.355)	(1.681.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		9.176.391.073	29.633.695.279
Chi phí trả trước dài hạn	261	19	4.421.024.470	22.262.848.302
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	37	1.876.461.045	1.737.138.863
Tài sản dài hạn khác	268	20	2.878.905.558	5.633.708.114
Lợi thế thương mại	269	21	2.362.340.427	2.699.817.627
TỔNG TÀI SẢN	270		461.160.191.467	629.439.492.675

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

tại ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
NỢ PHẢI TRẢ	300		210.645.375.314	281.780.577.360
Nợ ngắn hạn	310		160.154.113.875	220.538.836.034
Vay ngắn hạn	311	22	20.612.142.812	74.343.738.124
Phải trả người bán	312	40	30.848.614.688	48.528.156.858
Người mua trả tiền trước	313		9.085.439.233	25.486.730.202
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	23	10.072.780.483	25.423.127.858
Phải trả người lao động	315		3.577.530.688	2.740.296.340
Chi phí phải trả	316	24	8.284.444.129	17.958.491.375
Phải trả khác	319	25; 40	16.344.738.957	13.927.051.229
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		5.167.952.873	6.716.229.836
Quý khen thưởng, phúc lợi	323		4.552.256.147	5.415.014.212
Các khoản nợ phải trả tương ứng với tài sản phân loại chờ thanh lý	329	36	51.608.213.865	-
Nợ dài hạn	330		50.491.261.439	61.241.741.326
Phải trả dài hạn khác	333		1.465.815.200	1.601.595.008
Vay dài hạn	334	26	33.000.000.000	49.155.012.834
Dự phòng phải trả dài hạn	337		1.802.174.788	857.853.450
Doanh thu chưa thực hiện	338		12.873.057.187	7.058.045.834
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		1.350.214.264	2.569.234.200
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		197.864.998.015	216.414.593.686
Vốn chủ sở hữu	410	27	197.864.998.015	216.414.593.686
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		127.711.950.000	127.711.950.000
Cổ phiếu quỹ	414		(15.680.000)	(15.680.000)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		(25.719.500.435)	-
Quỹ dự phòng tài chính	418		3.373.473.433	3.132.233.060
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		92.514.755.017	85.586.090.626
LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	28	52.649.818.138	131.244.321.629
TỔNG NGUỒN VỐN	440		461.160.191.467	629.439.492.675

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Người lập:



NGUYỄN THỊ THU SƯƠNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 6 năm 2014

Người phê duyệt:




Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Thuyết		Cho năm tài chính	Cho kỳ mười hai tháng
	Mã số	minh	kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	29	466.670.604.350	519.465.141.592
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	29	(254.525.317)	(135.636.345)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	29	466.416.079.033	519.329.505.247
Giá vốn hàng bán	11	30; 41	(351.191.304.846)	(402.638.972.406)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		115.224.774.187	116.690.532.841
Doanh thu hoạt động tài chính	21	31	8.064.983.346	37.248.867.552
Chi phí tài chính	22	32	(13.725.850.376)	(27.718.549.011)
Chi phí bán hàng	24	41	(31.515.040.657)	(38.193.784.377)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	41	(53.536.205.348)	(48.287.664.329)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.512.661.152	39.739.402.676
Thu nhập khác	31	33	9.275.766.041	7.319.328.651
Chi phí khác	32	34	(3.331.458.354)	(12.276.239.498)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động khác	40		5.944.307.687	(4.956.910.847)
Thu nhập từ đầu tư vào các công ty liên kết	45	16	161.551.231	12.909.497.168
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.618.520.070	47.691.988.997
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	37	(8.945.500.478)	(20.231.775.101)
Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	37	139.322.182	(7.144.599)
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động liên tục	60.1		21.812.341.774	27.453.069.297
HOẠT ĐỘNG KHÔNG LIÊN TỤC				
Lỗ thuần từ hoạt động không liên tục	60.2	35	(2.206.790.671)	-
LỢI NHUẬN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC VÀ HOẠT ĐỘNG KHÔNG LIÊN TỤC	60		19.605.551.103	27.453.069.297
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông thiểu số	61	28	11.165.682.122	12.174.015.415
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông công ty mẹ	62	27	8.439.868.981	15.279.053.882
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	38	661	1.197

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

Người lập:

NGUYỄN THỊ THU SƯƠNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 6 năm 2014

Người phê duyệt:

NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (phương pháp gián tiếp)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số	Cho năm tài chính	Cho kỳ mười hai tháng
		kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế trong năm/kỳ	01	30.618.520.070	47.691.988.997
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao và phân bổ	02	13.415.260.494	22.861.218.531
Thay đổi các khoản dự phòng	03	10.391.809.738	9.358.764.612
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	279.036.888
Lỗi/(lãi) từ thanh lý và xóa sổ tài sản cố định	05	290.632.320	(962.756.905)
Lãi từ hoạt động đầu tư	06	(7.644.439.393)	(73.057.205.683)
Chi phí lãi vay	07	6.353.631.938	24.147.227.513
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi của vốn lưu động	08	53.425.415.167	30.318.273.953
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(37.755.854.089)	87.396.176.339
Giảm hàng tồn kho	10	55.109.701.211	42.137.608.177
Giảm các khoản phải trả và chi phí phải trả	11	(62.654.543.334)	(103.896.361.609)
Giảm chi phí trả trước	12	3.208.958.128	4.793.554.720
Tiền lãi vay đã trả	13	(8.834.801.784)	(16.548.019.224)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(25.844.844.254)	(15.478.769.650)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.474.024.686	10.419.743.658
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(72.796.010)
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng cho)/cung cấp từ hoạt động kinh doanh	20	(19.871.944.269)	39.069.410.354
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(2.116.027.654)	(5.558.523.033)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	2.440.475.911	1.761.669.591
Tiền chi cho vay, mua lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(99.456.556.569)	(46.921.847.705)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	48.967.116.401	70.785.376.735
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(1.087.931.436)
Thu hồi các khoản đầu tư	26	31.061.186.970	31.075.186.970
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.174.581.260	22.071.513.282
Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng cho)/cung cấp từ hoạt động đầu tư	30	(6.929.223.681)	72.125.444.404
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Nhận góp vốn của cổ đông thiểu số	31	-	1.886.620.000
Chi tiền mua vốn góp của cổ đông thiểu số	32	-	(7.920.000.000)
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	49.267.419.586	37.102.626.241
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn và dài hạn	34	(77.350.813.273)	(68.564.349.678)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(15.323.552.400)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng cho hoạt động tài chính	40	(28.083.393.687)	(52.818.655.837)

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cho năm tài chính	Cho kỳ mười hai tháng
			31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
TĂNG TIỀN THUẦN TRONG NĂM/KỶ	50		(54.884.561.637)	58.376.198.921
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM/KỶ	60	4	94.175.014.557	36.024.398.149
Tiền chi thuần cho hoạt động không liên tục	61	35	(5.947.114)	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	62		-	(225.582.513)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM/KỶ	70	4	39.284.505.806	94.175.014.557

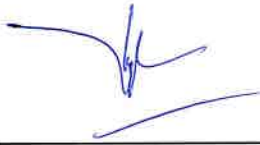
Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

BỘ SUNG THUYẾT MINH VỀ CÁC GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN CHỦ YẾU

Trong năm/kỳ có các giao dịch không bằng tiền chủ yếu sau :

Nội dung	Cho năm tài chính	Cho kỳ mười hai tháng
	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Giảm lãi vay phải trả những năm trước	5.820.294.399	-
Chuyển nhượng cổ phần nắm giữ tại Công ty liên kết chưa thu tiền	-	30.002.973.940
Mua tài sản cố định chưa thanh toán	-	2.814.483.867
Cán trừ công nợ bằng cách thanh lý tài sản cố định	-	1.699.269.634
Phải thu hồi vốn góp vào công ty liên kết	-	1.058.213.030
Thanh lý tài sản cố định chưa thu tiền	-	110.000.000

Người lập:



NGUYỄN THỊ THU SƯƠNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 6 năm 2014

Người phê duyệt:



NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật cao ITD) ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301596604 (trước đây là số 063371) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 1 năm 1999. Sau đó, Công ty đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh để tăng vốn điều lệ, mở rộng ngành nghề kinh doanh, mở văn phòng đại diện và thay đổi trụ sở chính.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Số 1, Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty có 2 văn phòng đại diện tại Hà Nội và Đà Nẵng.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; đại lý môi giới, đấu giá, lắp đặt hệ thống điện; hoạt động thiết kế chuyên dụng; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; sửa chữa máy móc, thiết bị; hoạt động viễn thông có dây; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; hoạt động viễn thông khác; nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện; lắp trình máy vi tính; và bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.

Vốn điều lệ được phê duyệt của Công ty là 127.711.950.000 VNĐ. Các cổ đông chủ yếu của Công ty gồm có:

Cổ đông	31 tháng 3 năm 2014		31 tháng 3 năm 2013	
	Số cổ phiếu	% quyền sở hữu	Số cổ phiếu	% quyền sở hữu
Ông Nguyễn Văn Hiệp	893.990	7,00%	-	-
Ông Nguyễn Anh Dũng	781.350	6,12%	1.523.890	11,93%
Bà Văn Thu Thủy	669.000	5,24%	-	-
Vietnam Investment Limited	625.681	4,90%	1.074.183	8,41%
Công ty TNHH TM DV Kiều Phong	-	-	791.000	6,19%
Vietnam Infrastructure Holding Limited	-	-	1.576.835	12,35%
Các cổ đông khác	9.799.606	76,73%	7.803.719	61,11%
Cổ phiếu quỹ	1.568	0,01%	1.568	0,01%
	12.771.195	100,00%	12.771.195	100,00%

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là "Tập đoàn") và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết. Các công ty con và công ty liên kết quan trọng được hợp nhất trong báo cáo gồm:

Tên công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn do Công ty nắm giữ	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Mua bán, sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử, điện máy, máy tính, thiết bị văn phòng và các thiết bị đo lường công nghiệp	57,13%	57,13%
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	Mua bán và cung cấp dịch vụ liên quan đến máy tính, phần mềm, thiết bị điện, điện tử, máy văn phòng, kim khí điện máy, tin học và viễn thông	82,74%	82,74%

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tên công ty con	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn do Công ty nắm giữ	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Mua bán, lắp đặt thiết bị cơ khí, thiết bị phục vụ xây dựng và công nghiệp, thiết bị điện, điện tử, tin học và viễn thông.	50,51%	50,51%
Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	Mua bán, sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan đến vật tư, máy móc ngành công nghiệp, dân dụng, điện tử và tin học	92,23%	92,23%
Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	Mua bán, sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử và viễn thông, xây dựng và công nghiệp, đồ gia dụng khác	100%	100%
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (*)	Mua bán, sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử và viễn thông	48,00%	53,38%
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Thạch Anh (**)	Sản xuất thiết bị điện, máy phát điện, máy biến thế, pin, ắc quy, dây cáp và sợi cáp	40,16%	75,02%
Công ty TNHH Liên doanh Global Sitem (***)	Mua bán và cung cấp dịch vụ liên quan đến thiết bị điện	24,48%	51,00%
Công ty Cổ phần Inno (***)	Sản xuất thiết bị điện, điện tử, chống sét, viễn thông và trung tâm dữ liệu cho thuê	47,98%	99,96%

Tên công ty liên kết	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn do Công ty nắm giữ	Quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Mua bán, sản xuất và cung cấp các dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, điện tử, phần mềm, truyền thông, giao thông vận tải và thiết bị văn phòng	32,00%	32,00%
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	Mua bán và cung cấp dịch vụ liên quan đến thiết bị điện, phần mềm, máy tính, tin học và viễn thông	64,92%	25,00%

Trong đó:

- (*) Công ty được nhận ủy quyền quyền biểu quyết của các cổ đông cá nhân với tỷ lệ 5,38% vốn cổ phần thực góp trong Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (ngày 31 tháng 3 năm 2013: 9,3%) để nắm tổng số quyền biểu quyết trong Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu là 53,38% tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 (31 tháng 3 năm 2013: 54,29%).
- (**) Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong đầu tư trực tiếp là 4,58%, đầu tư gián tiếp qua Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh là 35,58%.
- (***) Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong đầu tư gián tiếp qua Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2014, Tập đoàn có 317 nhân viên (ngày 31 tháng 3 năm 2013: 347 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này:

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ"), được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán phổ biến ở các quốc gia và các thể chế khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

Các báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Tập đoàn áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong năm và cũng nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong năm trước.

2.2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng trực tiếp hay gián tiếp, điều hành các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có xét đến quyền biểu quyết tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

Các công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ đó nằm trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết.

2.3. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 31 tháng 3.

2.4. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các ngoại tệ khác với đơn vị tiền tệ VNĐ trên báo cáo của Tập đoàn phát sinh trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Tại ngày kết thúc niên độ, các khoản mục tài sản và nợ có gốc bằng ngoại tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chưa thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.5. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, nợ và việc trình bày các khoản tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2.6. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính được ghi nhận và trình bày theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 do Bộ Tài Chính ban hành ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính.

Ghi nhận ban đầu

Các tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua được tài sản tài chính đó.

Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng, trả trước cho người bán, phải thu khác, tài sản ngắn hạn và dài hạn khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính đã niêm yết và chưa niêm yết.

Các khoản nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, các khoản nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành các khoản nợ tài chính đó.

Các khoản nợ tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, người mua trả tiền trước, thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước, chi phí phải trả và phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, không có yêu cầu xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.7. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có độ thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ để đáp ứng các khoản cam kết thanh toán ngắn hạn mà không phải cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

2.8. Các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu ngắn hạn được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Đối với khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, dự phòng được tính toán như sau theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009:

Khoản mục	Tình trạng quá hạn của khoản nợ	Tỷ lệ dự phòng
1	Quá hạn dưới 1 năm	30%
2	Quá hạn từ 1 đến 2 năm	50%
3	Quá hạn từ 2 đến 3 năm	70%
4	Quá hạn trên 3 năm	100%

2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá; kém phẩm chất, lỗi thời v.v) có thể xảy ra đối với vật tư thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cho từng khoản mục của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 30
Máy móc và thiết bị	2 - 20
Phương tiện vận tải	3 - 6
Thiết bị văn phòng	2 - 8
Khác	2

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.11. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá quyền sử dụng đất phản ánh tiền thuê đất trả trước và các chi phí liên quan đến việc sử dụng đất thuê đối với diện tích đất thuê đã có Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất. Giá trị hao mòn của Quyền sử dụng đất được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 30 đến 45 năm.

Phần mềm

Giá mua của phần mềm mới mà phần mềm này là một bộ phận tách rời với phần cứng có liên quan được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 5 năm.

Bản quyền

Bản quyền trình bày giá mua bản quyền nhượng quyền kinh doanh trạm thu phí giao thông. Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm, bắt đầu từ đầu năm 2008.

2.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh chi phí xây dựng tài sản chưa hoàn thành và được phản ánh theo nguyên giá. Không tính hao mòn cho xây dựng cơ bản dở dang trong giai đoạn lắp đặt cho tới khi các tài sản đó được hoàn thành và đem vào sử dụng.

2.13. Bất động sản đầu tư

Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua của tài sản và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của bất động sản đầu tư.

Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích của bất động sản đầu tư. Ước tính thời gian sử dụng hữu ích như sau:

	<u>Năm</u>
Trạm thu phát sóng	5 - 6

2.14. Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.15. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua lại các công ty con. Lợi thế thương mại được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Lợi thế thương mại xác định bằng khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và các nghĩa vụ nợ có thể xác định được của công ty con tại ngày mua. Khoản chênh lệch có giá trị âm (bất lợi thương mại) được ghi nhận trực tiếp vào lãi hoặc lỗ. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng mười năm.

2.16. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí hội viên câu lạc bộ Gôn

Chi phí hội viên câu lạc bộ Gôn được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 44 năm.

Nâng cấp văn phòng

Nâng cấp văn phòng được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

Chi phí thành lập

Chi phí thành lập bao gồm các chi phí phát sinh cho việc thành lập doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ khi doanh nghiệp bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chi phí trước hoạt động

Chi phí trước hoạt động bao gồm các chi phí đào tạo, quảng cáo và khuyến mãi trước khi doanh nghiệp chính thức hoạt động sản xuất kinh doanh. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ khi doanh nghiệp bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 2 đến 5 năm.

Phí chuyển giao công nghệ

Phí chuyển giao công nghệ trình bày phí chuyển giao công nghệ, được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

2.17. Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận theo giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

2.18. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được trích lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp có cam kết bảo hành. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Tập đoàn được ước tính bằng 0,35% đến 5,00% doanh thu. Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.19. Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được sử dụng cho đầu tư khoa học và công nghệ. Quỹ này được trích lập trên lợi nhuận trước thuế dựa trên tỷ lệ lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu hàng năm và hạch toán vào chi phí. Cụ thể như sau:

<u>Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</u>	<u>Tỷ lệ trích</u>
Nhỏ hơn 20%	0%
Từ 20% đến 25%	2%
Từ 25% đến 30%	4%
Từ 30% đến 35%	6%
Từ 35% đến 40%	8%
Lớn hơn 40%	10%

2.20. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các lợi ích có liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ hoàn thành được xác định dựa trên việc đánh giá các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi của các khoản phải thu.

Thu nhập cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

2.21. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Những ưu đãi thuê được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một phần không thể tách rời trong tổng chi phí thuê.

2.22. Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong năm khi các chi phí này phát sinh.

2.23. Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu và phần suy giảm trên cổ phiếu ("EPS") đối với cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm. Phần suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.24. Báo cáo bộ phận

Mỗi bộ phận là một hợp phần riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm và dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với bộ phận khác. Báo cáo bộ phận chính yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh. Tập đoàn hoạt động ở Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất.

2.25. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập có liên quan đến các khoản được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập phải nộp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập phải nộp hiện hành được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất và bất kỳ khoản điều chỉnh thuế phải nộp nào có liên quan đến các năm khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo phương pháp nợ trên bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa hợp nhất cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả với giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất.

Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thực hiện hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực hay cơ bản có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

2.26. Các bên liên quan

Các bên liên quan của Tập đoàn bao gồm các cổ đông và các công ty liên kết của Công ty, và các cổ đông, nhà đầu tư và các công ty liên kết của các Công ty con.

2.27. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tập đoàn có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Tập đoàn sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

2.28. Các sự kiện không chắc chắn

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi để mang lại lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.29. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Tập đoàn tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất nếu trọng yếu.

2.30. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán hợp nhất, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính hợp nhất này.

3. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn.

Kết quả của bộ phận bao gồm các mục được phân bổ trực tiếp tới một bộ phận hoặc nhiều bộ phận dựa trên một cơ sở hợp lý. Những mục khác không nên được phân bổ tới các bộ phận bao gồm tài sản và nợ phải trả, thu nhập tài chính và chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý, thu nhập khác và chi phí khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014			Cho kỳ mười hai tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013		
	Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp	Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Lãi gộp
Điện – Điện tử	132.880.998.533	(89.812.958.496)	43.068.040.037	105.867.577.838	(76.160.292.400)	29.707.285.438
Viễn thông – Tin học	137.558.067.952	(108.301.278.680)	29.256.789.272	126.733.532.987	(100.251.028.161)	26.482.504.826
Điện – Điện công nghiệp	117.623.126.513	(97.332.385.566)	20.290.740.947	183.514.726.850	(152.005.760.299)	31.508.966.551
Hạ tầng – Giao thông	78.353.886.035	(55.744.682.104)	22.609.203.931	103.213.667.572	(74.221.891.546)	28.991.776.026
	466.416.079.033	(351.191.304.846)	115.224.774.187	519.329.505.247	(402.638.972.406)	116.690.532.841

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Tiền mặt	1.065.679.454	2.413.262.246
Tiền gửi ngân hàng	15.270.826.352	20.400.706.768
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng)	22.948.000.000	71.361.045.543
	39.284.505.806	94.175.014.557

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 bao gồm số ngoại tệ khác với VND như sau:

	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Nguyên tệ:		
- Đô la Mỹ ("USD")	18.222	26.890
- Euro ("EUR")	1.174	176.887
- Đô la Singapore ("SGD")	98	-
- Yên Nhật ("JPY")	32.153	-

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

5. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Thái Sơn Tiên Phong với lãi suất 16,2% một năm (cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013: 16,2% một năm)	500.000.000	500.000.000
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong với lãi suất 12,6% đến 16,2% một năm (cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013: 16,2% một năm)	300.000.000	590.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các ngân hàng	54.995.765.119	2.508.986.651
	55.795.765.119	3.598.986.651

6. Dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn

Biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn trong năm/kỳ như sau:

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Tăng trong năm/kỳ và số dư cuối năm/kỳ	800.000.000	-

Số dư khoản dự phòng cuối năm bao gồm các khoản dự phòng cho:

	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Công ty Cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Định Vị Tiên Phong	300.000.000	-
	800.000.000	-

7. Phải thu khác

	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Phải thu lãi cho vay và tiền gửi	5.062.529.490	2.892.738.036
Phải thu cổ tức	518.515.448	7.380.000.000
Phải thu các công ty liên kết	289.640.000	19.500.000
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	81.691.575	231.453.131
Phải thu bảo hiểm xã hội	54.562.046	-
Phải thu từ chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	-	30.002.973.940
Phải thu vốn góp vào Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	-	1.058.213.030
Khoản phải thu hồi vốn góp từ công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật điện Toàn Cầu	-	1.000.000.000
Phải thu từ thanh lý tài sản cố định	-	110.000.000
Phải thu khác	455.193.913	485.117.855
	6.462.132.472	43.179.995.992

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

8. Dự phòng phải thu khó đòi

Biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi trong năm/kỳ như sau:

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Số dư đầu năm/kỳ	2.279.962.673	2.287.947.480
Tăng trong năm/kỳ	7.659.991.261	1.550.427.954
Hoàn nhập dự phòng trong năm/kỳ	(245.890.687)	(1.132.281.417)
Xóa sổ nợ phải thu khó đòi trong năm/kỳ	-	(426.131.344)
Số dư cuối năm/kỳ	9.694.063.247	2.279.962.673

9. Hàng tồn kho

	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Hàng mua đang đi đường	44.147.201	97.029.737
Nguyên vật liệu	2.206.835.642	6.071.118.968
Công cụ dụng cụ	38.011.854	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	29.937.023.564	62.321.721.768
Thành phẩm	400.920.066	438.795.566
Hàng hóa	30.629.523.667	56.945.642.370
Hàng gửi đi bán	-	49.898.328
	63.256.461.994	125.924.206.737
Dự phòng hàng tồn kho	(9.290.709.387)	(15.739.767.280)
	53.965.752.607	110.184.439.457

Biến động dự phòng hàng tồn kho trong năm/kỳ như sau:

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Số dư đầu năm/kỳ	15.739.767.280	6.641.868.459
Tăng trong năm/kỳ	2.526.556.127	9.284.106.926
Hoàn nhập dự phòng trong năm/kỳ	(4.884.730.318)	(186.208.105)
Xóa sổ dự phòng	(4.043.703.426)	-
Chuyển sang tài sản giữ để bán	(47.180.276)	-
Số dư cuối năm/kỳ	9.290.709.387	15.739.767.280

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Tiền thuê đất cho trạm thu phát sóng	1.702.833.431	1.489.537.153
Chi phí chờ phân bổ	573.575.000	1.981.750.000
Công cụ và dụng cụ văn phòng	428.096.465	475.283.334
Tiền thuê mặt bằng, văn phòng, kho	15.583.004	46.568.352
Khác	124.253.571	253.899.620
	2.844.341.471	4.247.038.459

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Tài sản ngắn hạn khác

	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Đặt cọc, ký quỹ ngắn hạn	5.135.116.810	9.035.896.345
Ký quỹ bảo lãnh bảo hành dự án	3.560.156.555	1.594.668.630
Tạm ứng cho nhân viên	2.840.821.135	1.682.817.245
Khác	55.065.590	-
	11.591.160.090	12.313.382.220

12. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	93.163.615.339	55.435.649.612	12.716.488.033	14.605.831.546	36.946.480	175.958.531.010
Tăng trong năm	94.132.098	372.188.324	1.187.122.727	246.870.674	-	1.900.313.823
Phân loại lại	(16.302.235.854)	16.302.235.854	-	-	-	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	(2.533.308.280)	-	(2.533.308.280)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(295.611.838)	-	(1.084.720.037)	-	(1.380.331.875)
Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	(62.690.909)	-	(1.207.436.919)	-	(1.270.127.828)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	-	-	-	(23.916.000)	(23.916.000)
Thanh lý/xóa sổ	-	(634.893.110)	(7.688.036.368)	(2.125.705.153)	-	(10.448.634.631)
Phân loại sang tài sản chờ thanh lý	(34.343.323.610)	(51.511.497.751)	-	(4.293.211.350)	-	(90.148.032.711)
Số dư cuối năm	42.612.187.973	19.605.380.182	6.215.574.392	3.608.320.481	13.030.480	72.054.493.508
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	(4.923.971.222)	(9.932.811.772)	(7.506.097.457)	(7.893.642.962)	(36.946.480)	(30.293.469.893)
Tăng trong năm	(1.383.501.023)	(2.323.400.092)	(1.242.110.334)	(817.195.569)	-	(5.766.207.018)
Phân loại lại	668.017.535	(668.017.535)	-	-	-	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	1.651.844.741	-	1.651.844.741
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	276.212.767	-	895.073.245	-	1.171.286.012
Chuyển sang công cụ dụng cụ	-	53.712.600	-	1.178.403.374	-	1.232.115.974
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	-	-	-	23.916.000	23.916.000
Thanh lý/xóa sổ	-	532.479.920	5.324.016.360	2.032.634.152	-	7.889.130.432
Phân loại sang tài sản chờ thanh lý	1.920.365.000	4.738.715.000	-	554.386.000	-	7.213.466.000
Số dư cuối năm	(3.719.089.710)	(7.323.109.112)	(3.424.191.431)	(2.398.497.019)	(13.030.480)	(16.877.917.752)
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	88.239.644.117	45.502.837.840	5.210.390.576	6.712.188.584	-	145.665.061.117
Số dư cuối năm	38.893.098.263	12.282.271.070	2.791.382.961	1.209.823.462	-	55.176.575.756

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2014, nhà cửa vật kiến trúc, máy móc thiết bị và một số phương tiện vận tải có giá trị còn lại xấp xỉ 53.003 triệu VNĐ (31 tháng 3 năm 2013: 135.114 triệu VNĐ) được thế chấp tại các Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV") – Chi nhánh Hồ Chí Minh và Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương ("Vietinbank") để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (xem Thuyết minh 22 và 26).

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có một số tài sản với nguyên giá xấp xỉ 4.884 triệu VNĐ đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 (31 tháng 3 năm 2013: 8.696 triệu VNĐ) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Quyền sử dụng công nghệ	Phần mềm	Bản quyền	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	43.888.012.925	27.139.772.223	880.073.391	330.000.000	15.022.800	72.252.881.339
Tăng trong năm	-	-	35.904.000	-	-	35.904.000
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	11.272.500.000	-	-	-	-	11.272.500.000
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	23.916.000	-	-	23.916.000
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	(14.474.480)	-	-	(14.474.480)
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	-	(32.822.800)	-	-	(32.822.800)
Thanh lý/xóa sổ	-	-	(243.835.131)	(330.000.000)	-	(573.835.131)
Phân loại lại	-	-	15.022.800	-	(15.022.800)	-
Phân loại sang tài sản chờ thanh lý	(19.834.483.680)	(27.139.772.223)	(46.197.500)	-	-	(47.020.453.403)
Số dư cuối năm	35.326.029.245	-	617.586.280	-	-	35.943.615.525
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	(2.991.528.532)	(2.701.140.001)	(619.719.839)	(330.000.000)	(14.567.564)	(6.656.955.936)
Hao mòn trong năm	(1.143.415.836)	-	(142.796.652)	-	-	(1.286.212.488)
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	(23.916.000)	-	-	(23.916.000)
Chuyển từ chi phí trả trước dài hạn	(563.625.000)	-	-	-	-	(563.625.000)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	12.879.610	-	-	12.879.610
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	-	10.193.983	-	-	10.193.983
Phân loại lại	-	-	(14.567.564)	-	14.567.564	-
Thanh lý/xóa sổ	-	-	183.835.117	330.000.000	-	513.835.117
Phân loại sang tài sản chờ thanh lý	1.102.217.616	2.701.140.001	46.197.500	-	-	3.849.555.117
Số dư cuối năm	(3.596.351.752)	-	(547.893.845)	-	-	(4.144.245.597)
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	40.896.484.393	24.438.632.222	260.353.552	-	455.236	65.595.925.403
Số dư cuối năm	31.729.677.493	-	69.692.435	-	-	31.799.369.928

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2014, Quyền sử dụng đất với giá trị còn lại khoảng 21.397 triệu VNĐ (31 tháng 3 năm 2013: 40.970 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng Vietinbank để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn của Tập đoàn (xem Thuyết minh số 26).

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định vô hình có một số tài sản với nguyên giá xấp xỉ 283 triệu VNĐ đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 (31 tháng 3 năm 2013: 520 triệu VNĐ) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Số dư đầu năm/kỳ	118.069.005	1.236.518.921
Tăng trong năm/kỳ	102.900.740	518.311.417
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(102.900.740)	(1.636.761.333)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(118.069.005)	-
Số dư cuối năm/kỳ	-	118.069.005

15. Bất động sản đầu tư

	Trạm thu phát sóng
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	39.999.680.784
Tăng trong năm	76.909.091
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	102.900.740
Thanh lý	(144.083.175)
Số dư cuối năm	40.035.407.440
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	(30.767.459.720)
Hao mòn trong năm	(6.025.363.788)
Thanh lý	142.479.157
Số dư cuối năm	(36.650.344.351)
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	9.232.221.064
Số dư cuối năm	3.385.063.089

16. Đầu tư vào công ty liên kết

	31 tháng 3 năm 2014		31 tháng 3 năm 2013	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Công ty Cổ phần Thiên Vận	192.000	2.447.706.939	192.000	2.286.155.708
Công ty Cổ phần Định Vị Tiên Phong (*)	231.000	1.486.331.355	231.000	1.486.198.011
		3.934.038.294		3.772.353.719

(*) Theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 0310056838 ngày 17 tháng 9 năm 2010 của Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong, quyền biểu quyết của Tập đoàn là 25,00%. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2014, Tập đoàn đã đầu tư 2.310 triệu đồng, tương đương 64,92% trong vốn góp thực tế (ngày 31 tháng 3 năm 2013: 64,92%).

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Biến động giá trị đầu tư trong các Công ty liên kết trong năm/kỳ như sau:

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Số dư đầu năm	3.772.353.719	46.021.465.334
Lợi nhuận được chia	161.551.231	14.484.895.321
Chuyển nhượng vốn	-	(32.133.400.000)
Cổ tức được chia	-	(24.600.000.000)
Điều chỉnh năm trước	133.344	(606.936)
	3.934.038.294	3.772.353.719

17. Đầu tư dài hạn khác

	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Đầu tư 100.000 USD vào Công ty TNHH Hanel – CSF, bên liên quan	1.831.595.000	1.831.595.000
Đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	1.800.000.000	1.800.000.000
Khoản vay cung cấp cho Công ty TNHH Hanel – CSF (*)	1.098.957.000	1.098.957.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên một năm	1.277.608.308	2.984.946.608
	6.008.160.308	7.715.498.608

(*) Khoản vay cung cấp cho Công ty TNHH Hanel – CSF, bên liên quan, với lãi suất 16,8% một năm trong 3 năm kể từ tháng 3 năm 2011.

18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn tài chính trong năm/kỳ như sau:

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Số dư đầu năm/kỳ	1.681.000.000	2.000.000.000
Tăng trong năm/kỳ	4.535.883.355	1.147.376.077
Hoàn nhập trong năm/kỳ	-	(1.466.376.077)
Số dư cuối năm/kỳ	6.216.883.355	1.681.000.000

Số dư khoản dự phòng cuối năm bao gồm các khoản dự phòng cho:

	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Đầu tư vào Công ty TNHH Hanel – CSF	1.831.595.000	-
Công ty Cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	1.800.000.000	1.681.000.000
Công ty Cổ phần Định Vị Tiên Phong	1.486.331.355	-
Khoản vay cung cấp cho Công ty TNHH Hanel – CSF	1.098.957.000	-
	6.216.883.355	1.681.000.000

1018
I
C
E
M
N
E
17
04
Y
N
H
E
V
G
JHT

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí thuê đất trả trước	Chi phí trước hoạt động	Nâng cấp văn phòng	Chi phí bảo trì, bảo hành trạm	Chi phí hội viên câu lạc bộ Gòn	Chi phí thành lập	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Số dư đầu năm	10.708.875.000	5.706.332.633	2.663.517.269	845.732.998	785.141.391	65.782.674	1.487.466.337	-	22.262.848.302
Tăng trong năm	-	-	-	291.628.732	-	-	923.495.382	46.112.000	1.261.236.114
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	-	-	-	-	881.463.539	-	881.463.539
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	118.069.005	-	-	-	-	118.069.005
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	-	-	-	-	-	15.199.454	-	15.199.454
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	-	-	-	-	-	-	1.594.870	-	1.594.454
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(10.708.875.000)	-	-	-	-	-	-	-	(10.708.875.000)
Phân bổ trong năm	-	-	(841.745.671)	(939.966.777)	(23.935.148)	-	(872.455.874)	(14.089.779)	(2.692.193.249)
Thanh lý	-	-	-	-	-	-	(192.305.960)	-	(192.305.960)
Phân loại sang tài sản chờ thanh lý	-	(5.706.332.633)	-	-	-	(65.782.674)	(753.897.298)	-	(6.526.012.605)
Số dư cuối năm	-	-	1.821.771.598	315.463.958	761.206.243	-	1.490.560.450	32.022.221	4.421.024.470

20. Tài sản dài hạn khác

	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Đặt cọc tiền thuê	1.784.170.400	1.885.364.950
Ký quỹ, thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các hợp đồng kinh tế	569.610.158	3.220.783.164
Đặt cọc khác	525.125.000	527.560.000
	2.878.905.558	5.633.708.114

21. Lợi thế thương mại

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Số dư đầu năm/kỳ	2.699.817.627	3.121.664.128
Phân bổ trong năm/kỳ	(337.477.200)	(421.846.501)
Số dư cuối năm/kỳ	2.362.340.427	2.699.817.627

22. Vay ngắn hạn

	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Vay ngắn hạn từ các cá nhân (a)	9.407.384.365	16.189.798.433
Vay ngắn hạn ngân hàng (b)	9.204.758.447	13.600.725.300
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh 26)	2.000.000.000	44.553.214.391
	20.612.142.812	74.343.738.124

(a) Khoản vay từ cá nhân. Các khoản vay này là các khoản vay không cần đảm bảo. Các khoản vay này có lãi suất từ 0% đến 12,00% một năm (2012: từ 0% đến 12,00% một năm).

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- (b) Các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng Techcombank, ngân hàng Vietinbank, ngân hàng Vietcombank và ngân hàng BIDV được đảm bảo bằng các tài sản cố định, Quyền sử dụng đất của Tập đoàn (xem Thuyết minh số 12 và 13), quyền đòi nợ trong tương lai đối với bên thứ ba tương đương 12.652 triệu VNĐ, hàng tồn kho với giá trị xấp xỉ 3.927 triệu VNĐ và tài sản khác của một số thành viên Hội đồng Quản trị. Các khoản vay ngắn hạn này chịu lãi suất từ 6,50% đến 19,60% một năm (2012: 6,50% đến 19,60%).

23. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	3.641.196.855	1.875.269.155
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	220.645.993
Thuế xuất nhập khẩu	7.290	154.715.972
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.875.512.134	22.326.631.606
Thuế thu nhập cá nhân	548.059.276	459.652.997
Thuế nhà thầu	7.924.928	37.085.515
Các loại thuế khác	80.000	349.126.620
	10.072.780.483	25.423.127.858

24. Chi phí phải trả

	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Trích trước chi phí cho dự án	7.672.286.342	8.593.216.611
Chi phí lắp đặt, vận chuyển, nhân công trạm	329.398.190	660.036.200
Chi phí dịch vụ chuyên môn	148.000.000	164.000.000
Chi phí lãi vay	78.534.298	8.379.998.543
Trích trước chi phí thuế nhà thầu phải trả	-	154.066.667
Chi phí phải trả khác	56.225.299	7.173.354
	8.284.444.129	17.958.491.375

25. Phải trả khác

	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Cổ tức phải trả	7.176.380.900	3.311.566.500
Phải trả khác cho cá nhân (*)	7.075.750.000	1.600.000.000
Phải trả khác cho các bên liên quan (*)	607.161.707	2.282.021.097
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	170.907.280	145.258.500
Nhận đặt cọc, ký quỹ	154.300.000	345.300.000
Tiền thuê đất từ bên liên quan	77.783.333	169.683.333
Tài sản thừa chờ xử lý	3.502.494	285.840.407
Tiền phạt chậm nộp thuế	-	4.059.820.569
Thuế nhà thầu	-	1.254.105.556
Các khoản phải trả khác	1.078.953.243	473.455.267
	16.344.738.957	13.927.051.229

(*) Các khoản phải trả các bên liên quan và các cá nhân không cần đảm bảo và không chịu lãi suất.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

26. Vay dài hạn

	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Khoản vay (a)	35.000.000.000	51.905.012.834
Khoản vay (b)	-	41.803.214.834
Trừ: vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh 23)	(2.000.000.000)	(44.553.214.391)
	33.000.000.000	49.155.012.834

- (a) Khoản vay dài hạn với hạn mức 60.000 triệu VNĐ từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn cho việc thực hiện xây dựng tòa nhà ITD, khoản vay được hoàn trả hàng quý bắt đầu từ ngày hoàn thành của tòa nhà ITD cho đến tháng 12 năm 2018, tòa nhà ITD được hoàn thành vào tháng 12 năm 2011. Khoản vay được bảo đảm bởi chính tòa nhà ITD và Quyền sử dụng đất của Tập đoàn (xem Thuyết minh số 12 và 13) và chịu lãi suất từ 12% đến 15% một năm (2012: 15% đến 21% một năm).

27. Vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Chênh lệch tỷ giá	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư, 1 tháng 1 năm 2012	116.103.990.000	(15.680.000)	3.512.427.325	106.863.282	-	102.017.322.513	190.527.695.811
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu	11.607.960.000	-	-	-	-	(11.607.960.000)	-
Lãi thuần trong năm phân bổ cho các cổ đông công ty mẹ	-	-	-	-	-	16.044.429.305	16.044.429.305
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(15.323.552.400)	(15.323.552.400)
Trích lập các quỹ	-	-	1.906.598.932	-	-	(4.584.002.668)	(2.677.403.736)
Chi nộp phạt và bổ sung thuế năm 2008	-	-	(2.286.093.197)	-	-	(243.432.774)	(2.530.225.971)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	(106.863.282)	-	-	(106.863.282)
Điều chỉnh cho các năm trước	-	-	-	-	-	(716.713.350)	(716.713.350)
Số dư, 1 tháng 4 năm 2013	127.711.950.000	(15.680.000)	3.132.233.060	-	-	85.586.090.626	216.414.593.686
Lãi thuần trong năm phân bổ cho các cổ đông công ty mẹ	-	-	-	-	-	8.439.868.981	8.439.868.981
Trích lập các quỹ	-	-	383.227.136	-	-	(1.422.411.042)	(1.039.183.906)
Chi nộp phạt và bổ sung thuế những năm trước	-	-	(141.986.763)	-	-	-	(141.986.763)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản cho bộ phận hoạt động không liên tục	-	-	-	(25.719.500.435)	-	-	(25.719.500.435)
Điều chỉnh cho các năm trước	-	-	-	-	-	(88.793.548)	(88.793.548)
Số dư, 31 tháng 3 năm 2014	127.711.950.000	(15.680.000)	3.373.473.433	-	(25.719.500.435)	92.514.755.017	197.864.998.015

Vốn điều lệ được phê duyệt và đã phát hành của Công ty:

	31 tháng 3 năm 2014		31 tháng 3 năm 2013	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Vốn điều lệ được phê duyệt	12.771.195	127.711.950.000	12.771.195	127.711.950.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	12.771.195	127.711.950.000	12.771.195	127.711.950.000
Mua lại cổ phiếu phổ thông đã phát hành	(1.568)	(15.680.000)	(1.568)	(15.680.000)
Số cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành	12.769.627	127.696.270.000	12.769.627	127.696.270.000

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ.

Biến động của vốn điều lệ trong năm/kỳ:

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014		Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	12.771.195	127.711.950.000	11.610.399	116.103.990.000
Phát hành trong năm/kỳ	-	-	1.160.796	11.607.960.000
Số dư cuối năm/kỳ	12.771.195	127.711.950.000	12.771.195	127.711.950.000

28. Lợi ích cổ đông thiểu số

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Số dư đầu năm/kỳ	131.244.321.629	160.010.315.820
Vốn góp bằng tiền mặt	-	1.886.620.000
Chuyển nhượng vốn góp	(5.665.598.393)	(7.920.000.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông thiểu số	11.165.682.122	12.920.578.104
Cổ tức được chia	(36.464.293.985)	(30.425.789.294)
Trích lập các quỹ	(911.022.553)	(1.804.736.075)
Mua cổ phiếu quỹ	-	(412.131.394)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	(46.565.451.688)	-
Chênh lệch tỷ giá	-	(104.710.096)
Chi nộp phạt và bổ sung thuế những năm trước	(153.818.994)	(2.905.825.436)
Số dư cuối năm/kỳ	52.649.818.138	131.244.321.629

29. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười hai tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ kỹ thuật	388.060.515.521	415.535.331.349
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	29.859.495.159	30.618.963.462
Doanh thu xây dựng và lắp đặt	48.750.593.670	73.310.846.781
Tổng doanh thu	466.670.604.350	519.465.141.592
Hàng bán bị trả lại	(254.525.317)	(135.636.345)
Doanh thu thuần	466.416.079.033	519.329.505.247

30. Giá vốn hàng bán

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười hai tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Giá vốn hàng hóa, thành phẩm và dịch vụ kỹ thuật	294.963.348.150	306.682.482.634
Giá vốn cho thuê bất động sản đầu tư	18.060.546.216	17.460.831.626
Giá vốn xây dựng và lắp đặt	40.525.584.671	69.406.255.164
Dự phòng hàng tồn kho	(2.358.174.191)	9.089.402.982
	351.191.304.846	402.638.972.406

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

31. Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười hai tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	6.785.374.205	6.054.205.937
Cổ tức và lợi nhuận được chia	526.075.448	174.656.645
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	484.204.727	213.357.644
Lãi tiền cho vay	171.438.509	480.871.993
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	97.212.043	208.545.666
Thu nhập từ bán cổ phần, thanh lý khoản đầu tư	-	30.023.973.940
Khác	678.414	93.255.727
	8.064.983.346	37.248.867.552

32. Chi phí tài chính

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười hai tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Chi phí lãi vay	6.353.631.938	24.147.227.513
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	6.056.359.855	500.305.585
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.307.420.800	1.388.310.785
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	279.036.888
Lỗ từ bán cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tên Lửa	-	1.186.000.000
Khác	8.437.783	217.668.240
	13.725.850.376	27.718.549.011

33. Thu nhập khác

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười hai tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Hoàn nhập các khoản dự phòng	5.164.088.081	2.752.718.710
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	2.330.475.911	3.570.939.225
Tiền thu từ phạt vi phạm hợp đồng	368.089.462	269.546.211
Thu nhập từ tài sản, hàng hóa thừa từ dự án	285.840.407	-
Tiền thu từ hoa hồng	267.909.804	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản dài hạn và công cụ dụng cụ ngắn hạn	250.190.161	-
Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	-	3.500.000
Tiền thu từ hoàn thuế nhập khẩu	-	184.024.445
Thu nhập khác	609.172.215	538.600.060
	9.275.766.041	7.319.328.651

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

34. Chi phí khác

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười hai tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	2.621.108.231	2.608.182.320
Tiền phạt do vi phạm hợp đồng và phạt khác	479.089.365	4.449.615.555
Phạt thuế và truy thu nộp chậm	21.379.093	4.079.509.149
Mất hàng tồn kho	-	247.799.478
Chi phí khác	209.881.665	891.132.996
	3.331.458.354	12.276.239.498

35. Hoạt động không liên tục

Ngày 21 tháng 10 năm 2013, Tòa án Nhân dân Tỉnh Bình Dương ("Tòa Án") đã quyết định mở thủ tục phá sản đối với một công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Thạch Anh ("QEC") và đang tiến hành các bước chấm dứt hoạt động theo quy định của Luật phá sản doanh nghiệp đối với QEC. Do đó, báo cáo tài chính của QEC được lập trên cơ sở chấm dứt hoạt động và được phân loại thành hoạt động không liên tục để trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Lỗ thuần từ hoạt động không liên tục cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 như sau:

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-
Giá vốn hàng bán	(3.279.829.140)
Lỗ gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	(3.279.829.140)
Doanh thu hoạt động tài chính	5.213.990.517
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(2.045.762.133)
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	(111.600.756)
Thu nhập khác	330.353.735
Chi phí khác	(2.425.543.650)
Lỗ thuần từ hoạt động khác	(2.095.189.915)
Lỗ kế toán trước thuế	(2.206.790.671)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-
Lỗ thuần sau thuế	(2.206.790.671)

Lưu chuyển tiền thuần của hoạt động không liên tục trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 như sau:

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng cho hoạt động kinh doanh	(5.947.114)
GIẢM TIỀN THUẦN TRONG NĂM	(5.947.114)

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

36. Tài sản được phân loại chờ thanh lý

Tập đoàn căn cứ vào biên bản thẩm định giá trị tài sản bao gồm nhà xưởng, quyền sử dụng đất và một số máy móc thiết bị do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu ("ACB") lập và biên bản chi tiết đánh giá lại giá trị hàng hóa, công cụ dụng cụ QEC của Hội đồng thẩm định ngày 31 tháng 3 năm 2014 để xác định giá trị hợp lý tài sản và hàng hóa có thể thu hồi của QEC. Các tài sản của QEC được đánh giá lại trên cơ sở chấm dứt hoạt động tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 như sau:

	31 tháng 3 năm 2014
Tiền	7.028.355
Trả trước cho người bán	4.040.000
Tài sản cố định hữu hình	28.043.168.100
Quyền sử dụng đất	24.251.000.000
Thiết bị, dụng cụ	4.788.774.844
Tài sản được phân loại chờ thanh lý	57.094.011.299

Nợ phải trả được điều chỉnh tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 như sau:

	31 tháng 3 năm 2014
Vay ngắn hạn	41.803.214.459
Phải trả người bán	4.831.504.865
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	510.680.904
Chi phí phải trả	2.400.000.000
Phải trả khác	2.062.813.637
Nợ phải trả tương ứng với tài sản được phân loại chờ thanh lý	51.608.213.865

37. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Tập đoàn có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Theo Luật thuế TNDN mới Sửa đổi Số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, thuế suất thuế TNDN sẽ được thay đổi từ 25% xuống 22% cho các năm 2014 và 2015, và 20% cho các năm tiếp theo

Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Chi phí thuế TNDN trong năm/kỳ được tính như sau:

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười hai tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	9.501.538.179	15.226.188.378
Dự phòng (thừa)/thiếu từ các năm trước	(556.037.701)	5.005.586.723
	8.945.500.478	20.231.775.101
(Thu nhập)/chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Các khoản chênh lệch tạm thời	(139.322.182)	7.144.599
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	8.806.178.296	20.238.919.700

Việc tính thuế TNDN hiện hành còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của các cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Đối chiếu thuế suất thực tế

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014		Cho kỳ mười hai tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	30.618.520.070		47.691.988.997	
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	7.654.630.018	25,00%	11.922.997.248	25,00%
Ảnh hưởng của thuế suất cao hơn của các hoạt động khác	-	-	(303.330.416)	(0,64%)
Chi phí không được trừ	197.953.775	0,65%	1.095.339.049	2,30%
Chênh lệch do thay đổi thuế suất	(196.988.249)	(0,64%)	-	-
Thu nhập không chịu thuế từ lợi nhuận và cổ tức được chia	(743.518.862)	(2,43%)	(2.987.823.975)	(6,26%)
Ưu đãi thuế	-	-	(101.110.139)	(0,21%)
Ảnh hưởng của giảm thuế	-	-	(2.202.054.353)	(4,62%)
Tài sản thuế hoãn lại trên khoản chênh lệch tạm thời không ghi nhận	2.250.726.944	7,35%	7.926.998.832	16,62%
Tài sản thuế hoãn lại trên khoản lợi nhuận chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ	310.588.191	1,01%	-	-
Chuyển lỗ	(111.175.820)	(0,36%)	-	-
Dự phòng (thừa)/thiếu từ các năm trước	(556.037.701)	(1,82%)	4.905.537.882	10,29%
Khác	-	-	(16.734.428)	0,04%
	8.806.178.296	28,76%	20.238.919.700	42,44%

Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chủ yếu sau được Tập đoàn ghi nhận và tình hình biến động trong năm như sau:

	Số dư tại 31 tháng 3 năm 2013	Ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Số dư tại 31 tháng 3 năm 2014
Dự phòng phải trả dài hạn	-	130.932.680	130.932.680
Chi phí bảo hành phải trả	36.888.698	(36.888.698)	-
Tài sản thuế hoãn lại trên khoản lãi chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ	1.700.250.165	-	1.700.250.165
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	45.278.200	45.278.200
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.737.138.863	139.322.182	1.876.461.045

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

38. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014 được dựa trên lãi phân phối cho các cổ đông phổ thông là 8.439.868.981 VNĐ (cho kỳ mười hai tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013: 15.279.053.882 VNĐ) và số lượng trung bình của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 12.769.627 cổ phiếu (cho kỳ mười hai tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013: 12.769.627 cổ phiếu). Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính như sau:

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười hai tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Lợi nhuận sau thuế phân phối cho cổ đông công ty mẹ	8.439.868.981	15.279.053.882
Số lượng trung bình cổ phiếu phổ thông		
Cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm/kỳ	12 769 627	12.769.627
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	661	1.197

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tập đoàn không có công cụ tài chính nào có thể sẽ ảnh hưởng đến sự suy giảm tiềm tàng đối với cổ phiếu phổ thông.

39. Các mục tiêu và nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính

Tập đoàn chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính, gồm có: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đối với việc thiết lập các mục tiêu và nguyên tắc quản trị rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn phải chịu, thiết lập việc đo lường kiểm soát rủi ro và các giới hạn rủi ro thích hợp, giám sát các rủi ro và thực hiện các giới hạn rủi ro. Hệ thống và chính sách quản trị rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro tiền tệ và rủi ro lãi suất. Mục tiêu của việc quản trị rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Rủi ro tiền tệ

Tập đoàn chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là Đồng Việt Nam. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD"), đồng Euro ("EUR") và Đô la Singapore ("SGD").

Tập đoàn đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua và bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Giám đốc không thực hiện các công cụ phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ này có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của việc biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn đối với USD, EUR và SGD như sau:

	31 tháng 3 năm 2014		31 tháng 3 năm 2013	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền	20.736	1.518	26.890	176.887
Trả trước cho người bán	139.901	-	24.714	4.500
Tài sản ngắn hạn khác	49.000	-	49.000	-
	209.637	1.518	100.604	181.387
Nợ tài chính				
Phải trả người bán	307.027	2.444	912.656	2.444

Rủi ro lãi suất

Tập đoàn chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết như là các khoản vay vốn của Tập đoàn theo lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ do Tập đoàn quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng được đề cập đến loại rủi ro mà một khách hàng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tập đoàn. Tập đoàn có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tập đoàn có rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị còn lại của số dư phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và phải thu khác như trình bày trên Bảng Cân đối Kế toán hợp nhất.

Rủi ro giá

Tập đoàn có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các Tập đoàn được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Giám đốc quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Giám đốc. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong năm vừa qua.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản trị rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tập đoàn quản lý bằng cách đảm bảo rằng phần lớn hơn giữa nợ đến hạn và tài sản trong năm được giữ ở mức có thể kiểm soát được đối với số vốn mà Tập đoàn tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tập đoàn là theo dõi thường xuyên các yêu cầu thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tập đoàn duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tập đoàn phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
31 tháng 3 năm 2014				
Các khoản vay	20.612.142.812	33.000.000.000	-	53.612.142.812
Phải trả người bán	30.848.614.688	-	-	30.848.614.688
Người mua trả tiền trước	9.085.439.233	-	-	9.085.439.233
Thuế và các khoản phải nộp				
Ngân sách Nhà nước	10.072.780.483	-	-	10.072.780.483
Chi phí phải trả	8.284.444.129	-	-	8.284.444.129
Phải trả khác	16.344.738.957	1.465.815.200	-	17.810.554.157
	95.248.160.302	34.465.815.200	-	129.713.975.502
31 tháng 3 năm 2013				
Các khoản vay	74.343.738.124	39.101.253.208	10.053.759.626	123.498.750.958
Phải trả người bán	48.528.156.858	-	-	48.528.156.858
Người mua trả tiền trước	25.486.730.202	-	-	25.486.730.202
Thuế và các khoản phải nộp				
Ngân sách Nhà nước	25.423.127.858	-	-	25.423.127.858
Chi phí phải trả	17.958.491.375	-	-	17.958.491.375
Phải trả khác	13.927.051.229	1.601.595.008	-	15.528.646.237
	205.667.295.646	40.702.848.216	10.053.759.626	256.423.903.488

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tập đoàn khi tính đến thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng
31 tháng 3 năm 2014			
Đầu tư tài chính ngắn hạn	55.795.765.119	-	55.795.765.119
Phải thu khách hàng	131.532.554.237	-	131.532.554.237
Trả trước cho người bán	4.434.996.482	-	4.434.996.482
Phải thu khác	6.462.132.472	-	6.462.132.472
Tài sản ngắn hạn khác	11.591.160.090	-	11.591.160.090
Đầu tư dài hạn khác	-	6.008.160.308	6.008.160.308
Tài sản dài hạn khác	-	2.878.905.558	2.878.905.558
	209.816.608.400	8.887.065.866	218.703.674.266
31 tháng 3 năm 2013			
Đầu tư ngắn hạn	3.598.986.651	-	3.598.986.651
Phải thu khách hàng	87.351.890.501	-	87.351.890.501
Trả trước cho người bán	8.728.544.938	-	8.728.544.938
Phải thu khác	43.179.995.992	-	43.179.995.992
Tài sản ngắn hạn khác	12.313.382.220	-	12.313.382.220
Đầu tư dài hạn khác	-	7.715.498.608	7.715.498.608
Tài sản dài hạn khác	-	5.633.708.114	5.633.708.114
	155.172.800.302	13.349.206.722	168.522.007.024

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tập đoàn chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ tài chính tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế.

40. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các nghiệp vụ chủ yếu với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong năm/kỳ như sau:

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	Cho năm tài chính	Cho kỳ mười hai tháng
		31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Chuyển nhượng cổ phiếu	-	50.000.000

Thu nhập của Ban Giám đốc trong năm/kỳ như sau:

	Cho năm tài chính	Cho kỳ mười hai tháng
	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	1.753.186.848	1.622.400.000

Các giao dịch chủ yếu của các bên liên quan trong năm/kỳ như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	Cho năm tài chính	Cho kỳ mười hai tháng
			31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	Công ty liên kết	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	19.378.141
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	(142.319.769)
		Cho vay	-	65.000.000
		Lãi cho vay	51.790.333	99.491.750
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vạn	Công ty liên kết	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	947.491.766	3.949.596.404
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(722.284.000)	(1.261.574.544)
		Mượn tiền	-	(472.611.563)
		Cổ tức nhận được	518.515.448	174.638.335
		Phải trả phí tiện ích	-	(2.595.000)
Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	Bên liên quan	Bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.000.000	862.778.906
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(1.800.000)	-
		Góp vốn	-	300.000.000
		Lãi cho vay	61.875.000	92.300.000
Atlas CFS SDN BHD	Bên liên quan	Cổ tức công bố	(960.000.000)	(2.784.000.000)
		Cổ tức đã trả	-	(1.856.000.000)
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(60.251.064)	-
Site Preparation Management Co Ltd	Bên liên quan	Cổ tức công bố	(1.392.000.000)	(2.784.000.000)
		Cổ tức đã trả	-	(1.856.000.000)
		Mua hàng hóa và dịch vụ	(53.937.000)	-

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Trong số dư các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả người bán và phải trả khác có các số dư nội bộ tại ngày 31 tháng 3 năm 2014 như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất số dư	31 tháng 3 năm 2014	31 tháng 3 năm 2013
Các khoản phải thu				
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Công ty liên kết	Phải thu thương mại	87.136.326	2.854.116.697
		Phải thu phi thương mại	518.515.448	
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	Công ty liên kết	Phải thu thương mại	430.561.685	430.561.685
		Phải thu phi thương mại	467.742.750	58.472.417
Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	Bên liên quan	Phải thu thương mại	414.787.581	578.026.997
		Phải thu phi thương mại	394.535.000	332.660.000
Các khoản phải trả				
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Công ty liên kết	Phải trả thương mại	(2.518.439.095)	(2.498.638.895)
		Phải trả phi thương mại	-	(795.072.280)
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	Công ty liên kết	Phải trả thương mại	-	(16.030.000)
Atlas CSF SDN. BHD	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	(1.600.000.000)	(640.000.000)
Site Preparation Management Co Ltd	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	(2.320.000.000)	(928.000.000)
Electrotecnica Artech Hermanos, S.A	Bên liên quan	Phải trả thương mại	-	(2.184.285.986)

Các khoản phải thu/(phải trả) phi thương mại từ/(cho) công ty liên kết và bên liên quan là không được đảm bảo, không tính lãi và không ấn định thời gian hoàn trả.

41. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu trong năm/kỳ như sau:

	Cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 3 năm 2014	Cho kỳ mười hai tháng kết thúc 31 tháng 3 năm 2013
Chi phí hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp	300.469.232.221	353.975.871.883
Chi phí công nhân viên	58.966.651.934	63.405.201.100
Thiết bị văn phòng và văn phòng phẩm	2.783.484.531	3.144.910.320
Chi phí khấu hao và phân bổ	13.415.260.494	22.861.218.531
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.360.922.802	34.076.888.944
Chi phí khác	12.107.738.849	15.560.256.627



Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2014

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

42. Các khoản công nợ tiềm tàng

Theo thư bảo lãnh kí ngày 7 tháng 12 năm 2010, Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong ("ITD"), công ty mẹ cấp cao nhất, và Công ty Cổ phần Cơ Điện Thạch Anh ("QMC"), công ty mẹ, chịu trách nhiệm trả thay cho QEC các khoản vay tại Ngân hàng ACB với hạn mức bảo lãnh là 70 tỷ VNĐ. QEC hiện đang có số dư nợ gốc vay và lãi vay ACB khoảng 44,2 tỷ VNĐ. Hội đồng thẩm định Tập đoàn đã căn cứ vào Biên bản thẩm định của ACB ngày 2 tháng 10 năm 2013 thể hiện giá trị tài sản bao gồm nhà xưởng, quyền sử dụng đất và một số máy móc thiết bị của QEC đủ để trang trải các khoản nợ của QEC đối với ACB. Hơn nữa, theo Công văn 37/TGD/2014 ngày 04 tháng 6 năm 2014, ACB đồng ý không truy đòi nghĩa vụ bảo lãnh của Công ty và QMC nếu ITD, QMC, QEC rút đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản tại Tòa Án đồng thời tự nguyện bán tài sản để thanh toán cho ACB toàn bộ nợ gốc và lãi vay là 44,2 tỷ VNĐ trước ngày 30 tháng 9 năm 2014. Theo đó, việc miễn trừ trách nhiệm bảo lãnh của ITD và QMC đối với khoản vay nợ gốc và lãi vay của QEC tại ACB phụ thuộc vào khả năng thu hồi được các tài sản của QEC. Hội đồng Quản trị Công ty nhận định rằng trách nhiệm tài chính liên đới của Tập đoàn trong việc trả nợ thay QEC cho ACB có ít khả năng xảy ra. Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất này chưa bao gồm các khoản dự phòng cho các tổn thất có thể phát sinh liên quan đến việc bảo lãnh nêu trên.

Người lập:



NGUYỄN THỊ THU SƯƠNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 20 tháng 6 năm 2014

Người phê duyệt:




NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc



0
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99

5

596604-C.T.C.P
GTY
HÂN
NGHỆ
HONG
ĐỒ CHÍ MINH